BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 4381 /QĐ-BNNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Srêpốk mùa cạn năm 2026 - 2027

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Srêpốk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 210/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về Kế hoạch hành động thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác phòng, chống bão, lũ, thiên tai cực đoan và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2027 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chủ động phòng, chống, ứng phó với các loại hình thiên tai do ảnh hưởng của El Niño năm 2026 - 2027;

Căn cứ Văn bản số 9694/VPCP-NN ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ chỉ đạo chủ động ứng phó nguy cơ thiếu hụt nguồn nước do ảnh hưởng của El Niño;

Trên cơ sở các thông tin, số liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước lớn, quan trọng trên lưu vực sông Srêpốk; Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa trên phạm vi toàn quốc của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn quốc gia; Báo cáo dự báo El Niño 2026 - 2027, nhận định ban đầu về nguy cơ tác động và đề xuất khung kỹ thuật dự báo dựa trên tác động phục vụ quản trị rủi ro thiên tai [1];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Srêpốk mùa cạn năm 2026 - 2027, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu công bố: phục vụ công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân trong bối cảnh tác động bởi El Niño.

Làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước theo quy định tại các khoản 1, 5 và 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023; khoản 2 Điều 43 và các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).

2. Nội dung công bố của Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

3. Kỳ công bố Kịch bản nguồn nước: từ tháng 11 năm 2026 đến hết tháng 7 năm 2027.

(Chi tiết Kịch bản nguồn nước kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện

1. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng trên lưu vực sông Srêpốk trong phạm vi nhiệm vụ, quyền

[1] Báo cáo 1145/BC-KTTV ngày 14/7/2026 của Cục Khí tượng Thủy văn.

hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu và phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để cập nhật Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Srêpốk.

3. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nội dung cụ thể như sau:

a) Cục Quản lý tài nguyên nước:

- Chủ trì, phối hợp với các Cục: Khí tượng Thủy văn, Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia căn cứ Kịch bản nguồn nước được công bố, hiện trạng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, nhận định xu thế khí tượng thủy văn tính toán, cập nhật và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc cập nhật Kịch bản nguồn nước trong trường hợp xảy ra diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

- Định kỳ hằng tháng trong thời kỳ công bố Kịch bản, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hiện trạng nguồn nước, đánh giá trạng thái nguồn nước và tình hình triển khai kịch bản nguồn nước đã công bố.

b) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi chủ trì phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chỉ đạo, đôn đốc các địa phương lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn phù hợp với Kịch bản nguồn nước ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

c) Văn phòng Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước để đăng tải Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Srêpốk trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Ủy ban sông Mê Công Việt Nam theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên nước, đề xuất cơ quan có thẩm quyền có giải pháp về hoạt động liên quan đến bảo vệ, điều hòa, phân phối, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng chỉ đạo việc đăng tải Kịch bản nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Quản lý tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn, Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Tổng giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Chánh Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg CP Hồ Quốc Dũng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Công Thương, Xây dựng, VHTT&DL;
- UBND các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;
- Các Sở: NN&MT, CT, XD, VHTT&DL các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;
- Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - Bộ Công Thương;
- Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Báo NN&MT;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Hiệp

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SRÊPỐK MÙA CẠN 2026 -2027

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Kịch bản nguồn nước (KBNN) trên lưu vực sông (LVS) Srêpốk mùa cạn năm 2026 - 2027 được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 35 của Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 23/2026/NĐ-CP; Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[2] và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Srêpốk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[3]; hiện trạng nguồn nước, hiện trạng tích trữ nước trong các hồ chứa trên lưu vực, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nhận định xu thế diễn biến lượng mưa, lượng dòng chảy, mực nước trong các tầng chứa nước và thông tin, số liệu do Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn, quan trọng trên LVS Srêpốk cung cấp.

Phạm vi xây dựng KBNN trên toàn bộ LVS Srêpốk (thuộc lãnh thổ Việt Nam) được phân chia thành 10 (mười) tiểu vùng[4] gồm: Ia Đrăng, Ia Lốp, Thượng Ea H'leo, Hạ Ea H'Leo, Thượng Srêpốk, Hạ Srêpốk, Thượng Ea Krông Ana, Hạ Ea Krông Ana, Thượng Ea Krông Nô, Hạ Ea Krông Nô *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo KBNN)*.

Kỳ công bố KBNN trên LVS Srêpốk được tính toán, đánh giá từ tháng 11/2026 đến hết tháng 7/2027.

Nội dung KBNN thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, gồm những nội dung chính sau:

I. Hiện trạng nguồn nước

1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt

- Từ tháng 8-10/2026, tổng lượng mưa (TLM) trên LVS Srêpốk phổ biến xấp xỉ cùng kỳ trung bình nhiều năm (TBNN[5]), một số nơi như Thượng Srêpốk, Thượng Ea Krông Ana, Hạ Ea Krông Ana, Hạ Ea Krông Nô thấp hơn từ 10-20% so với TBNN.

Tổng lượng dòng chảy trên LVS Srêpốk từ tháng 8 - 10/2026 phổ biến tương đương đến thấp hơn trung bình thời kỳ (TBTK[6]) từ 10 - 20%, cụ thể như sau:

---

[2] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ;
[3] Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ;
[4] Theo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Srêpốk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
[5] Thời đoạn từ năm 1991- 2020
[6] TBTK từ năm 2015-2025

- Trên sông Ea Krông Nô (hồ Buôn Tua Srah) cao hơn 76% so với cùng kỳ năm 2015, tương đương năm 2019, thấp hơn 11,5% so với năm 2023 và xấp xỉ TBTK.

- Trên sông Ea Krông Ana (hồ Krông Búk Hạ) cao hơn khoảng 6 lần so với cùng kỳ năm 2015, thấp hơn khoảng 10% so với cùng kỳ năm 2019, tương đương so với năm 2023 và cao hơn khoảng 14,2% so với TBTK.

- Trên sông Srêpốk (hồ Buôn Kuốp) cao hơn 57% so với cùng kỳ năm 2015, tương đương năm 2019, thấp hơn 30% so với năm 2023 và thấp hơn 13% so với TBTK.

Tổng lượng dòng chảy các sông cũng phổ biến tương đương đến thấp hơn trung bình thời kỳ, cụ thể như sau: trên sông Ea Krông Nô xấp xỉ TBTK, trên sông Ea Krông Ana thấp hơn 18%; trên sông Srêpốk thấp hơn 14%.

2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất

Trên LVS Srêpốk, nước dưới đất tồn tại chủ yếu trong các tầng chứa nước (TCN) lỗ hổng trong trầm tích đệ tứ phân bố theo các dải hẹp dọc các thung lũng sông, suối; các TCN bazan lỗ hổng phân bố trên các cao nguyên, thuộc các tiểu vùng Thượng Ea H'leo, Thượng Srêpốk, Thượng Ea Krông và Hạ Ea Krông Ana; các TCN khe nứt trong trầm tích lục nguyên hoặc đá biến chất phân bố ở các tiểu vùng còn lại[7].

- *Đối với các TCN lỗ hổng (q):* chiều sâu mực nước trung bình tháng 9/2026 tại các giếng quan trắc trong khoảng từ 0,4-8,3m, phổ biến thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025.

- *Đối với các TCN bazan lỗ hổng (β_{qp} và B_{n2qp})*: chiều sâu mực nước trung bình tháng 9/2026 tại các giếng quan trắc trong khoảng từ 0,2-27,9m, phổ biến thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025. Trong thời gian từ tháng 8-10/2026 mực nước động lớn nhất tại các giếng khai thác từ 7,8-39,9m, lớn nhất là 39,9 tại trạm cấp nước Ea Msen xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên vẫn nhỏ hơn so với ngưỡng giới hạn mực nước theo quy định[8].

3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa

3.1. Đối với các hồ chứa thủy lợi

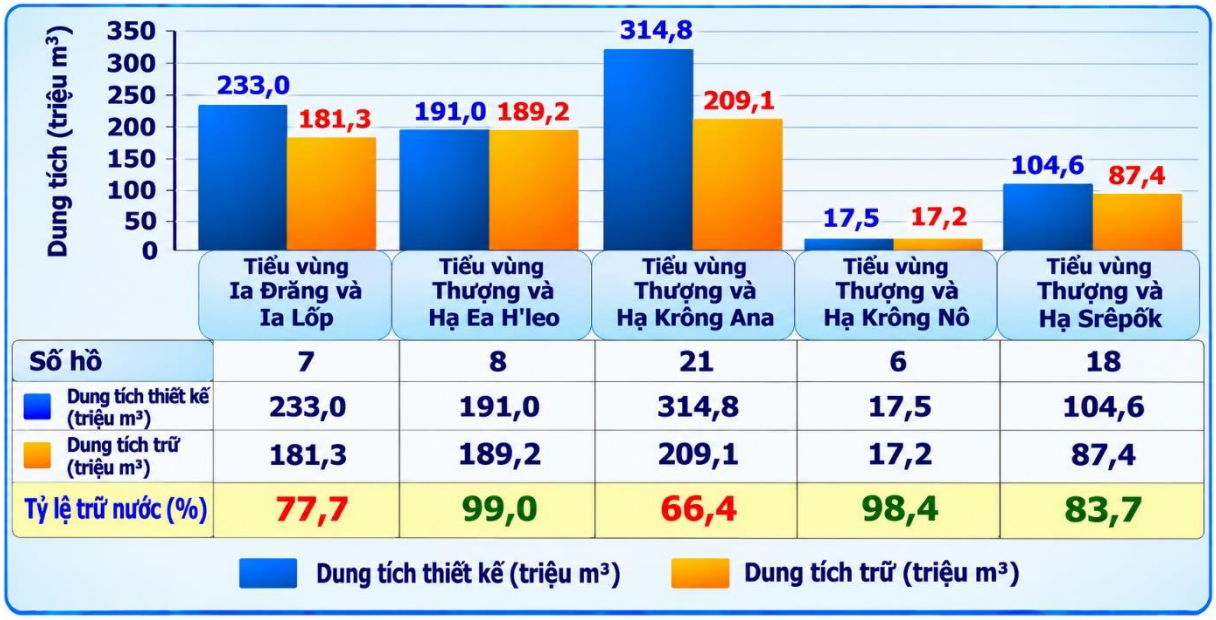
Trên LVS Srêpốk có khoảng 786 hồ chứa thủy lợi với dung tích toàn bộ[9] khoảng 1,05 tỷ m^3, Trong đó, có khoảng 60 hồ dung tích từ 01 triệu m^3 trở lên (tổng dung tích toàn bộ khoảng 861 triệu m^3 tập trung nhiều tại các tiểu vùng như: Thượng Ea H'leo, Thượng Ea Krông Ana, Thượng Srêpốk, Thượng Ea Krông Nô.

- Đối với 04 hồ chứa thủy lợi lớn nhất trên lưu vực, bao gồm: Krông Búk Hạ, Ea Súp Thượng, Krông Pách Thượng và Ia Mơr, các hồ đã tích đạt khoảng

[7] Quyết định số 4355/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2024 về việc ban hành Danh mục nguồn nước dưới đất.
[8] Không vượt quá 50m theo quy định về ngưỡng giới hạn khai thác nước dưới đất khu vực Tây Nguyên tại điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.
[9] Có nhiều hồ chứa nhỏ không có dữ liệu dung tích hồ.

85-100% dung tích thiết kế, trừ hồ Krông Pách Thượng chỉ tích được khoảng 42% do chưa giải phóng xong mặt bằng lòng hồ. Theo số liệu vận hành từ năm 2015 đến nay, nguồn nước của các hồ đều nằm trong và trên vùng "an toàn cấp nước" theo biểu đồ điều phối, cơ bản đảm bảo nhu cầu cấp nước cho các mục đích sử dụng.

- Đối với các hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 còn lại, tính đến giữa tháng 11/2026, dung tích các hồ phân bố không đồng đều (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo). Tổng dung tích trữ tại các hồ ở mức tương đương so với cùng kỳ năm 2015 và TBTK, thấp hơn từ 13-15% so với cùng kỳ các năm 2019 và 2023, một số hồ thấp hơn so với TBTK trên 30%. Các hồ có diện tích tưới lớn như Buôn Jong, Hoàng Ân, Trung tâm, Chư Prông, Ea Kuăng đã tích được khoảng 96-100%; các hồ Plepai, Ea Chư Káp Thượng đạt khoảng 97-100%; hồ Buôn Triết, Ea Kao đạt khoảng 55-79% dung tích thiết kế. Hồ Ia Ring chỉ tích được khoảng 55% dung tích toàn bộ do sự cố thấm thân đập từ tháng 11/2024.



Hình 1. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 trên LVS Srêpốk

3.2. Đối với các hồ chứa thủy điện

Trên LVS Srêpốk có 47 hồ chứa thủy điện với tổng công suất lắp máy khoảng 1.000 MW. Trong đó, riêng các thủy điện[10] thuộc Quy trình vận hành liên hồ chứa trên LVS Srêpốk đóng góp tổng công suất lắp máy là 785 MW. Các hồ chứa thủy điện trên lưu vực đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, ổn định hệ thống điện Quốc gia nói chung và khu vực Cao nguyên Trung Bộ nói riêng.

[10] Các thủy điện: Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A

Tính đến ngày 15/11/2026, các hồ thủy điện thuộc Quy trình vận hành liên hồ chứa trên LVS Srêpốk tích được khoảng 1,03 tỷ m^3 đạt 90,9% dung tích toàn bộ, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 khoảng 5,0%, thấp hơn khoảng từ 7,7 - 8,5% so với cùng kỳ các năm 2019, 2023 và thấp hơn cùng kỳ TBTK khoảng 4,2%.



Hồ chứa	Mực nước hồ - Hiện tại (m)	MNDBT (m)	Dung tích hồ - Hiện tại (triệu m^3)	Dung tích hồ - GĐ 2016-2025 (triệu m^3)	Dung tích hồ - Toàn bộ (triệu m^3)
Buôn Tua Srah	486,44	487,50	747,3	759,2	786,9
Buôn Kuốp	409,79	412,00	52,2	57,2	63,2
Srêpôk 3	268,92	272,00	169,7	198,2	219,0
Srêpôk 4	206,43	207,00	24,1	24,6	25,9
Tổng	-	-	**993,0**	**1.039,0**	**1.095,0**

Hình 2. Hiện trạng các hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực sông Srêpốk

II. Dự báo xu thế diễn biến mưa, dòng chảy trên sông, mực nước trong các tầng chứa dưới đất

1. Xu thế thời tiết

Theo cơ quan chuyên môn thuộc Bộ NN&MT thì hiện tượng ENSO đang trong trạng thái El Niño với cường độ rất mạnh. Trong thời kỳ từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027, trạng thái El Niño tiếp tục duy trì cường độ rất mạnh với xác suất rất cao ở mức 96%. Từ tháng 02-4/2027, El Niño tiếp tục duy trì nhưng có xu hướng suy yếu về cường độ và có khả năng ở cường độ trung bình đến mạnh với xác suất tương ứng là 44% và 32%, sau đó tiếp tục suy yếu nhưng vẫn duy trì đến nửa đầu mùa hè năm 2027 trước khi dần quay trở lại trạng thái trung tính.

Nắng nóng trên khu vực có khả năng xuất hiện cục bộ từ khoảng cuối tháng 3/2027, sau đó gia tăng về cường độ và tần suất trong tháng 4-5/2027. Nhiệt độ trong mùa cạn năm 2026-2027 phổ biến ở mức cao hơn từ 1,0-2,0^{0}C với TBNN cùng thời kỳ.

2 Xu thế diễn biến lượng mưa, dòng chảy

Tổng lượng mưa trên lưu vực sông Srêpốk từ tháng 11/2026 đến tháng 7/2027 phổ biến thấp hơn TBNN, cụ thể: từ tháng 11/2026-02/2027 thấp hơn từ 30-60%, từ tháng 3-6/2027 thấp hơn từ 20-40% và từ tháng 7/2026 xấp xỉ TBNN.

Tổng lượng dòng chảy trong mùa cạn từ tháng 01-7/2027 trên các sông Ea Krông Ana (hồ Krông Búk Hạ), Ea Krông Nô (hồ Buôn Tua Srah) và Srêpốk (hồ Buôn Kuốp) so với TBTK và giai đoạn năm 2023-2024 phổ biến thấp hơn từ 10-25%.

3. Mực nước trong các tầng chứa nước dưới đất

Kết quả dự báo mực nước nước dưới đất từ tháng 11/2026-7/2027 trên LVS Srêpốk cho thấy:

- *Đối với các TCN lỗ hổng (q):* mực nước dự báo trong khoảng từ 0,56-9,2m và có xu thế hạ so với cùng kỳ năm 2026.

- *Đối với các TCN bazan lỗ hổng (β_{qp} và B_{n2qp}):* mực nước dự báo trong khoảng từ 0,7-25,9m và có xu thế hạ so với cùng kỳ năm 2026.

III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC NGÀNH

Nhu cầu về nguồn nước của một số ngành sử dụng nước chính trên lưu vực trong kỳ công bố KBNN như sau:

1. Nhu cầu nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ

Trên lưu vực có 188[11] công trình cấp nước tập trung, gồm 51 công trình khai thác nước mặt và 137 công trình khai thác nước dưới đất với lượng nước khoảng 10,7 triệu m^3 trong mùa cạn năm 2026; lượng khai thác từ nước mặt chiếm 24% và từ nước dưới đất chiếm 76%.

Ngoài ra, còn rất nhiều công trình cấp nước tự chảy sử dụng nước mặt, các giếng khai thác nước dưới đất ở quy mô nhỏ lẻ phục vụ sinh hoạt, sản xuất của người dân.

2. Nhu cầu nước cho nông nghiệp

Nhu cầu nước cho nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các ngành dùng nước trên lưu vực, với tổng nhu cầu trong mùa cạn khoảng 2,7 tỷ m^3. Tuy nhiên diện tích được tưới bởi hệ thống các công trình thủy lợi chỉ khoảng 30% tổng diện tích cần tưới, cụ thể như sau:

- Vụ Đông Xuân 2026-2027 (từ tháng 12/2026 đến hết tháng 4/2027): toàn lưu vực dự kiến bố trí diện tích gieo trồng khoảng 69.200 ha cây hàng năm (49.000 ha lúa, 20.200 ha cây hàng năm khác) và gần 496.000 ha cây lâu năm với tổng nhu cầu nước khoảng 2,3 tỷ m^3, trong đó hệ thống công trình thủy lợi phụ trách khoảng 1,0 tỷ m^3.

- Nửa đầu Vụ Mùa 2027 (từ giữa tháng 5-7/2027): toàn lưu vực dự kiến bố trí diện tích gieo trồng khoảng hơn 174.000 ha cây hàng năm (60.500 ha lúa, 113.500 ha cây hàng năm khác) và gần 496.000 ha cây lâu năm với nhu cầu nước

[11] Tổng công suất khai thác khoảng 50.418 m^3/ngày đêm

khoảng 417,1 triệu m^3, trong đó hệ thống công trình thủy lợi phụ trách khoảng 358,5 triệu m^3.

Phần diện tích đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm nằm ngoài khu tưới chủ yếu được đáp ứng từ nguồn nước mưa, nước suối, các công trình khai thác nước mặt, nước dưới đất nhỏ lẻ khác.

3. Nhu cầu nước cho thủy điện

Hiện các nhà máy thủy điện trên lưu vực có nhu cầu khai thác đạt sản lượng điện trung bình nhiều năm hoặc cao hơn. Tuy nhiên, với dự báo nguồn nước về hồ thấp, các nhà máy thủy điện[12] thuộc Quy trình vận hành liên hồ chứa trên LVS Srêpốk dự kiến sản lượng điện từ tháng 01-7/2027 đạt khoảng 1,0 tỷ kWh, thấp hơn 25% so với cùng kỳ năm 2026 và thấp hơn 34% so TBTK. Nhu cầu nước phát điện của các nhà máy nêu trên khoảng 12,7 tỷ m^3, giảm 6,6% so với năm 2026 và giảm 9,9% so với TBTK. Riêng hồ Buôn Tua Srah, trong mùa cạn năm 2027 có sản lượng điện dự kiến là 116,7 triệu kWh với nhu cầu nước khoảng 1,06 tỷ m^3, giảm 19,5% so với năm 2026 và giảm 14,5 % so với TBTK.



Hình 3. Nhu cầu phát điện của các nhà máy thủy điện thuộc Quy trình vận hành liên hồ chứa trên LVS Srêpốk từ tháng 01-7/2027

4. Mối liên hệ giữa các nhu cầu sử dụng nước với việc điều tiết nước của các hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực

Đối với các yêu cầu sử dụng nước khác như nông nghiệp, sinh hoạt, sản xuất,… chủ yếu ở các khu vực, tiểu vùng nằm ngoài phạm vi điều tiết của các hồ chứa lớn trên lưu vực nên việc phụ thuộc là không nhiều, chủ yếu là phụ thuộc

[12] Bao gồm: Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'linh, Srêpốk 3, Srêpốk 4, Srêpốk 4A.

vào các hồ chứa thủy lợi, dòng chảy trên các sông, suối, nguồn nước dưới đất và nước mưa.

Vì vậy, vai trò, nhiệm vụ của các hồ chứa lớn như Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Srêpốk 3 và Srêpốk 4 chủ yếu có nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho phát điện, đảm bảo an ninh năng lượng và không gây biến động dòng chảy ở hạ du phía Campuchia, trong đó hồ Buôn Tua Srah có vai trò chính trong điều tiết nguồn nước trên dòng chính sông Srêpốk.

IV. NHẬN ĐỊNH TRẠNG THÁI NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG SRÊPỐK

Để đánh giá mức độ đáp ứng của nguồn nước cấp cho sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ, các nhu cầu sử dụng nước khác và các yêu cầu về đảm bảo an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng nhằm giảm thiểu mức độ thiếu nước do việc khai thác, sử dụng nước không hiệu quả, lãng phí. KBNN mùa cạn năm 2026 - 2027 được tính toán, đánh giá theo các vùng, các nguồn nước, cụ thể như sau:

(i) Mức độ đáp ứng của nguồn nước của hồ Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Srêpốk 3 và Srêpốk 4 cho nhu cầu phát điện, nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du, có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy hạ du sông Srêpốk.

(ii) Mức độ đáp ứng của nguồn nước trên các tiểu vùng cho các nhu cầu sinh hoạt, nông nghiệp, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ (nằm ngoài phạm vi điều tiết của các hồ trên dòng chính sông Srêpốk).

1. Đối với các hồ chứa lớn điều tiết nước cho dòng chính LVS Srêpốk

1.1. Vai trò của các hồ

- Hồ thủy điện Buôn Tua Srah (86MW) có dung tích toàn bộ 786,9 triệu m^3 đóng vai trò chính trong điều tiết nguồn nước của dòng chính sông Srêpốk, cùng với các hồ thủy điện Buôn Kuốp, Srêpốk 3 và Srêpốk 4 điều tiết cấp nước cho phát điện, đảm bảo an ninh năng lượng, sản xuất nông nghiệp và đảm bảo không gây biến động dòng chảy ở hạ du phía Campuchia với lưu lượng xả không nhỏ hơn 27 m^3/s.

- Trong Hệ thống điện Quốc gia, các nhà máy thủy điện trên lưu vực sông Srêpốk đóng vai trò quan trọng trong việc điều tần, bảo đảm an toàn, ổn định cho hệ thống điện Quốc gia nói chung và khu vực cao nguyên Trung Bộ nói riêng, bổ sung nguồn cho miền Bắc qua lưới điện 500 kV.

1.2. Kịch bản sử dụng nước cho thủy điện và khả năng đảm bảo dòng chảy phía hạ du

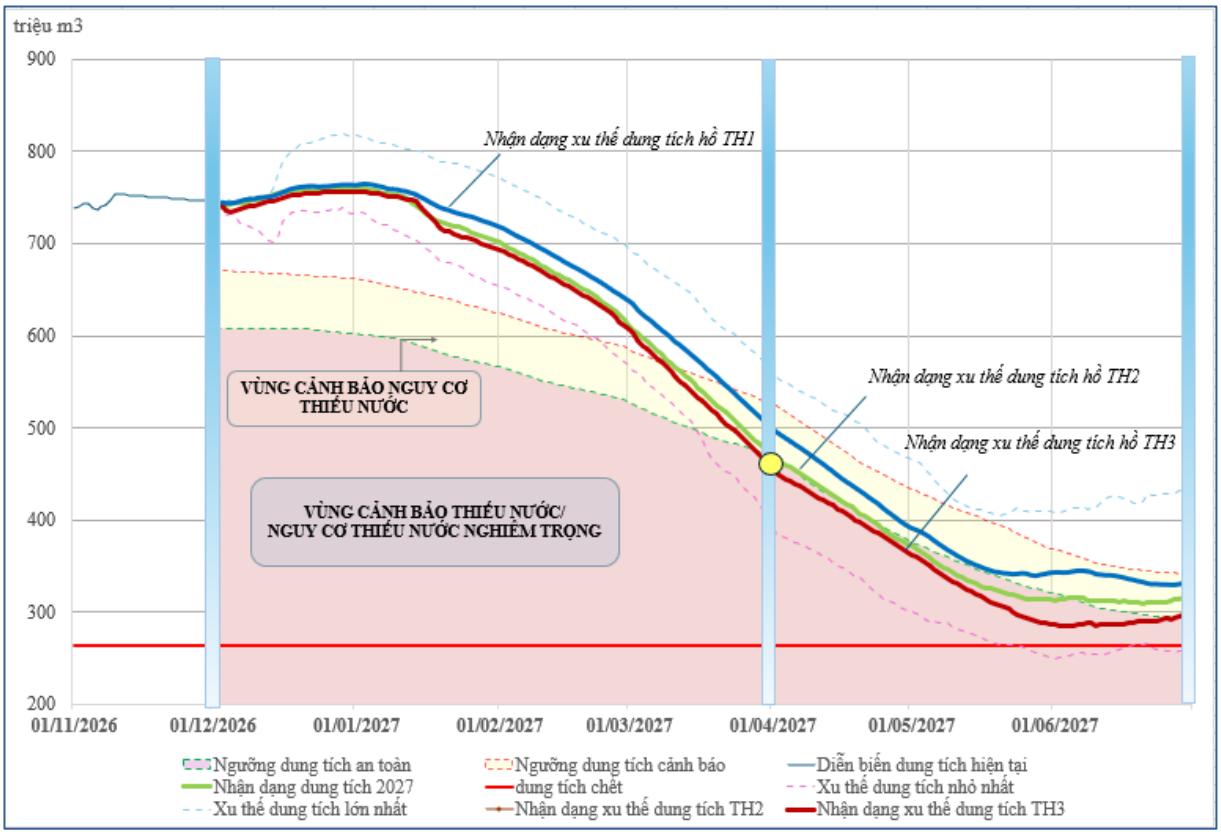
Trên cơ sở hiện trạng, dự báo nguồn nước, các yêu cầu về điều tiết nguồn nước, đánh giá mức độ, khả năng đáp ứng, các rủi ro sẽ xảy ra đối với nguồn nước của hồ thủy điện Buôn Tua Srah theo các kịch bản sử dụng nước, diễn biến nguồn nước và ảnh hưởng của El Niño như sau:

- *Trường hợp 1:* nhu cầu phát điện dự kiến, nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Srêpốk phía Campuchia (hạ du hồ thủy điện Srêpốk 4 và nhà máy thủy điện Srêpốk 4A) với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 27 m^3/s.

- *Trường hợp 2:* nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Srêpốk phía Campuchia (hạ du hồ thủy điện Srêpốk 4 và nhà máy thủy điện Srêpốk 4A) với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 27 m^3/s; nguy cơ gia tăng vào các tháng 4, 5 và 6 do nắng nóng cao điểm và đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế xã hội và vào các tháng mùa cạn 2027

- *Trường hợp 3:* nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Srêpốk phía Campuchia (hạ du hồ thủy điện Srêpốk 4 và nhà máy thủy điện Srêpốk 4A) với lưu lượng liên tục không nhỏ hơn 27 m^3/s; nguy cơ gia tăng vào các tháng 4, 5 và 6 do nắng nóng cao điểm và đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế xã hội và vào các tháng 4, 5, 6 có khả năng gia tăng mức độ thiếu hụt (tương tự các năm 2015-2016, 2019-2020).

1.3. Đánh giá mức độ, khả năng đáp ứng nguồn nước của 03 hồ về lượng theo các kịch bản sử dụng nước



Hình 4. Nhận định xu thế diễn biến dung tích hồ Buôn Tua Srah

Đến thời điểm giữa tháng 11/2026, 04 hồ chứa lớn Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ, Srêpốk 3 và Srêpốk 4 đã tích được từ 77-95% dung tích toàn bộ, thấp hơn so với TBTK 4,2%, trong đó hồ Buôn Tua Srah điều tiết năm đã tích được 95%. Tuy

nhiên, nguồn nước đến các hồ chứa lớn nêu trên trong mùa cạn năm 2027 tiềm ẩn nguy cơ thiếu hụt, đặc biệt trong trường hợp nhu cầu sử dụng nước ở hạ du vượt mức dự kiến (các hồ có khả năng được huy động với sản lượng điện cao hơn khoảng 53 - 74% so với TBTK vào các tháng cao điểm nắng nóng từ tháng 4-5/2027 để bù đắp thiếu hụt điện cho các lưu vực sông khác) hoặc hiện tượng El Niño diễn biến bất lợi, làm gia tăng khả năng suy giảm dòng chảy đến hồ.

Như vậy, với xu thế El Niño tiếp tục duy trì đến nửa đầu mùa hè năm 2027, nguồn nước trên dòng chính LVS Srêpốk trong mùa cạn năm 2027 ***ở trạng thái thiếu nước, đặc biệt trong các tháng 4-6/2027.*** Các hồ cần phải có kế hoạch sử dụng nước tiết kiệm ngay từ thời kỳ tích nước cuối mùa lũ để đảm bảo các nhu cầu cho sinh hoạt, sản xuất của người dân và xả dòng chảy tối thiểu về phía hạ du Campuchia.

2. Đối với các tiểu vùng trên lưu vực sông Srêpốk

Khu vực có đặc điểm địa hình, hệ thống sông, suối nhỏ hẹp, độ dốc lớn nên khả năng giữ nước rất hạn chế; cùng với đó mùa khô kéo dài, độ ẩm giảm mạnh, lượng bốc hơi lớn, đặc biệt là thiếu hụt lượng mưa trong mùa cạn dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn nước. Ngoài ra, hệ thống công trình thủy lợi còn thiếu, chưa đồng bộ, diện tích được tưới bởi hệ thống các công trình thủy lợi chỉ khoảng 30% tổng diện tích cần tưới, đặc biệt một số khu vực trên các tiểu vùng Hạ Ea Krông Nô, Thượng Ea H'leo và Ia Lốp có tỷ lệ phục vụ thấp dưới 10%.

Trên cơ sở hiện trạng nguồn nước và hiện trạng cấp nước của hệ thống công trình thủy lợi, nhu cầu khai thác, sử dụng, dự báo diễn biến thời tiết, khí hậu trên lưu vực, nguồn nước trên 10 tiểu vùng thuộc LVS Srêpốk trong mùa cạn năm 2027 ***ở trạng thái thiếu nước*.**

2.1. Tiểu vùng Ia Đrăng và Ia Lốp

Trên tiểu vùng có 07 hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 với dung tích toàn bộ khoảng 233 triệu m^3; trong đó đến giữa tháng 11/2026, hầu hết các hồ đã tích được từ 85-100% dung tích toàn bộ và có khả năng đáp ứng các nhu cầu thuộc phạm vi cấp nước. Riêng hồ Ia Ring gặp sự cố thấm thân đập từ tháng 11/2024 nên chỉ tích được khoảng 55% dung tích toàn bộ, dẫn tới ***nguy cơ thiếu nước tưới tại xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai.***

Đối với các vùng nằm ngoài phạm vi cấp nước của các hồ thủy lợi, do thiếu hụt lượng mưa nghiêm trọng, đặc biệt vào các tháng 2÷6/2027, dẫn đến ***gia tăng nguy cơ thiếu nước*** trên địa bàn các xã: Bàu Cạn, Chư Prông, Đức Cơ, Ia Boòng, Ia Krêl, Ia Nan, Ia Pnôn, Ia Púch, Ia Tôr, Bờ Ngoong, Chư Pưh, Chư Sê, Ia Hrú, Ia Ko, Ia Lâu, Ia Le, Ia Mơ, Ia Pia thuộc tỉnh Gia Lai.

Trong đó, có thể xem xét, gia tăng khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ tại một số khu vực có tiềm năng nước dưới đất để giảm thiểu nguy cơ thiếu nước tại các xã Ia Krêl, Bàu Cạn, Chư Prông.

2.2. Tiểu vùng Thượng Ea Hleo và Hạ Ea Hleo

Trên tiểu vùng có 08 hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 với dung tích toàn bộ khoảng 191 triệu m^3. Trong đó, đến giữa tháng 11/2026, các hồ đã tích được từ 93-100% dung tích toàn bộ, trừ hồ Ea Đrăng (Trung tâm mới chỉ tích được khoảng 61%, do vậy vẫn có nguy cơ thiếu nước tưới cục bộ trên phạm vi phục vụ tưới của hồ thuộc địa bàn xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với các vùng nằm ngoài phạm vi cấp nước của các hồ thủy lợi, do thiếu hụt lượng mưa nghiêm trọng, đặc biệt vào các tháng 2÷6/2027, dẫn đến ***gia tăng nguy cơ thiếu nước*** trên địa bàn các xã: Ia Le, tỉnh Gia Lai; xã Buôn Đôn, Cư Pơng, Dliê Ya, Ea Bung, Ea Drăng, Ea H'leo, Ea Hiao, Ea Khăl, Ea Kiết, Ea Rốk, Ea Súp, Ea Wy, Ia Rvê, Krông Búk, Pơng Drang, Ia Lốp, tỉnh Đắk Lắk. Ngoài ra, có nguy cơ thiếu nước sinh hoạt tại khu vực thôn 1, thôn 3, thôn 5, xã Ea Bung tỉnh Đắk Lắk do thiếu công trình cấp nước sinh hoạt.

Trong đó, có thể xem xét, gia tăng khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ tại một số khu vực có tiềm năng nước dưới đất để giảm thiểu nguy cơ thiếu nước tại các xã Ea Rốk, Ia Lốp, Ia Rvê, Ea Bung, Ea H'leo, Ea Súp, Ea Wy, Ea Đrăng, Ea Khăl, Ea Kiết.

2.3. Tiểu vùng Thượng Krông Ana và Hạ Krông Ana

Trên tiểu vùng có 21 hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 với dung tích toàn bộ khoảng 315 triệu m^3. Trong đó, đến giữa tháng 11/2026, hầu hết các hồ đã tích được trên 80% dung tích toàn bộ, tuy nhiên một số hồ như Krông Pách Thượng, Ea Rớt, Đồi 500, Ea Bông 1, Ea Bông 2, Vụ Bổn, Ea Nông, Buôn Triết chỉ tích được từ 12-50%. Ngoại trừ hồ Krông Pách Thượng chưa tích nước do chưa giải phóng xong mặt bằng, vẫn có nguy cơ thiếu nước tưới cục bộ trên phạm vi phục vụ tưới của các hồ còn lại trên địa bàn các xã: Cư Yang, Ea Ô, Ea Kar, Ea Na, Vụ Bổn, Đắk Liêng tỉnh Đắk Lắk.

Đối với các vùng nằm ngoài phạm vi cấp nước của các hồ thủy lợi, do thiếu hụt lượng mưa nghiêm trọng, đặc biệt trong các tháng 2÷6/2027, nguy cơ thiếu nước gia tăng tại các xã, phường: Buôn Hồ, Cư Bao, Cư Pui, Cư Yang, Cuôr Đăng, Dang Kang, Dliê Ya, Ea Drông, Ea Kar, Ea Kly, Ea Knuếc, Ea Ning, Ea Ô, Ea Păl, Ea Phê, Ea Trang, Hòa Sơn, Krông Á, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Liên Sơn Lắk, Phú Xuân, Pơng Drang, Tân Tiến, Vụ Bổn, Yang Mao, Dur Kmăl, Ea Na, Krông Ana, Đắk Liêng, Đắk Phơi thuộc tỉnh

Đắk Lắk; ngoài ra, có nguy cơ thiếu nước sinh hoạt tại Thôn 14, xã Krông Bông, Đắk Lắk do còn thiếu công trình cấp nước sinh hoạt.

Trong đó, có thể xem xét, gia tăng khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ tại một số khu vực có tiềm năng nước dưới đất để giảm thiểu nguy cơ thiếu nước tại các xã Buôn Hồ, Cư Bao, Ea Drông, Krông Pắc, Ea Phê, Ea Kly, Cư Yang, Dang Kang, Ea Na, Tân Tiến, Vụ Bổn, Hòa Sơn.

2.4. Tiểu vùng Thượng Krông Nô và Hạ Krông Nô

Trên tiểu vùng có 06 hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 với dung tích toàn bộ khoảng 17,5 triệu m^3. Trong đó, đến giữa tháng 11/2026, các hồ đã tích được từ 71-100% dung tích toàn bộ do đó có khả năng đảm bảo cấp nước cho phạm vi phục vụ tưới của các hồ.

Đối với các vùng nằm ngoài phạm vi cấp nước của các hồ thủy lợi, do thiếu hụt lượng mưa nghiêm trọng, đặc biệt vào các tháng 2÷6/2027, dẫn đến ***gia tăng nguy cơ thiếu nước*** trên địa bàn các xã: Yang Mao, Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk; Bắc Gia Nghĩa, Trường Xuân, Nam Đà, Nâm Nung ***tỉnh Lâm Đồng.***

Trong đó, có thể xem xét, gia tăng khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ tại một số khu vực có tiềm năng nước dưới đất để giảm thiểu nguy cơ thiếu nước tại các xã: Yang Mao, Krông Ana, Nam Đà, Nâm Nung.

2.5. Tiểu vùng Thượng Srêpốk và Hạ Srêpốk

Trên tiểu vùng có 18 hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 với dung tích toàn bộ khoảng 104,6 triệu m^3. Trong đó, đến giữa tháng 11/2026, đa số các hồ đã tích được trên 70% dung tích toàn bộ tuy nhiên một số hồ mới chỉ tích được từ 47-55%, bao gồm: Trúc Sơn, Hồ Tây làm gia tăng nguy cơ thiếu nước tưới cục bộ trên phạm vi phục vụ tưới của các hồ nêu trên thuộc địa bàn các xã: Cư Jút, Đức Lập tỉnh Lâm Đồng.

Đối với các vùng nằm ngoài phạm vi cấp nước của các hồ thủy lợi, do thiếu hụt lượng mưa nghiêm trọng, đặc biệt vào các tháng 2÷6/2027, dẫn đến ***gia tăng nguy cơ thiếu nước*** trên địa bàn các xã: ***Buôn Đôn, Buôn Hồ, Cư Bao, Cư M'gar, Cư Pơng, Cuôr Đăng, Ea Kiết, Ea M'Droh, Ea Na, Ea Nuôl, Ea Tul, Ea Wer, Pơng Drang, Quảng Phú, Dray Bhăng tỉnh Đắk Lắk và các xã Đắk Wil, Nam Đà, Nam Dong, Thuận An, Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng.***

Trong đó, có thể xem xét, gia tăng khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ tại một số khu vực có tiềm năng nước dưới đất để giảm thiểu nguy cơ thiếu nước tại các xã: Quảng Phú, Ea Na, Buôn Đôn, Ea Wer, Ea Tul, Đắk Wil, Thuận An, Nam Dong, Ea Nuôl, Ea M'Droh, Cư M'gar, Cuôr Đăng.

3. Nhận định tổng thể trạng thái của nguồn nước trên lưu vực sông

- Nguồn nước các hồ chứa lớn, quan trọng, nguồn nước các sông trên các tiểu vùng ở **Trạng thái thiếu nước** [13]**,** lượng nước có thể khai thác đảm bảo đủ cho các nhu cầu sinh hoạt, an sinh xã hội, nhưng **không thể đáp ứng đầy đủ lượng nước cho các mục đích sử dụng**, đặc biệt t**rong các tháng dự báo xảy ra nắng nóng diện rộng, lượng nước về các hồ chứa thiếu hụt so với TBTK hoặc gia tăng nhu cầu nước cho phát điện (từ tháng 4-6)** để đảm bảo an ninh năng lượng và khi thiếu hụt các nguồn điện khác, trong đó:

(i) Nguồn nước của hồ Buôn Tua Srah (86MW) và các hệ thống hồ chứa thủy điện trên dòng chính sông Srêpốk có nguy cơ ***không đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu phát điện trong các tháng nắng nóng cao điểm (từ tháng 4-6/2027)***.

(ii) Nguồn nước trên ***các tiểu vùng không đáp ứng đủ, có nguy cơ thiếu nước rất cao*** cho các hoạt động sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, nhiều khu vực có nguy thiếu nước, đặc biệt là các khu vực nằm ngoài phạm vi tưới của các công trình thủy lợi.

Bên cạnh nguyên nhân do thiếu hụt lượng mưa, điều kiện lấy nước không đảm bảo, số lượng của các công trình khai thác, công trình thủy lợi còn thiếu, quy mô nhỏ, chưa được đầu tư hoàn chỉnh hoặc xuống cấp.

- Đối với nguồn nước dưới đất: từ tháng 11/2026-6/2027 cơ bản ở Trạng thái ổn định đảm bảo khả năng cấp nước cho các công trình khai thác nước dưới đất (CTKT NDĐ) trên toàn lưu vực. Trên lưu vực đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

Tùy thuộc vào mức độ bổ cập tự nhiên, phân bố khai thác tập trung, chế độ vận hành khai thác mà mức độ đáp ứng nguồn nước về số lượng và chất lượng tại các khu vực sẽ khác nhau. Tuy nhiên, đây không phải nguồn nước có thể bơm hút ngay để khai thác như nguồn nước mặt ở trên sông mà cần phải thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng trước khi quyết định xây dựng công trình khai thác.

V. KIẾN NGHỊ

Nguồn nước trên lưu vực trong kỳ công bố kịch bản được nhận định ở **Trạng thái thiếu nước,** nguồn nước trong các sông, suối, hồ chứa, tầng chứa nước ***có khả năng không đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, an ninh năng lượng, yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ lưu sông Srêpốk phía Campuchia***.

[13] Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu nội dung, giải pháp tại Báo cáo số 10411/BC-BNNMT ngày 12/9/2026 về nguy cơ thiếu hụt nguồn nước do ảnh hưởng của El Niño, đề xuất các giải pháo ứng phó nhằm đảm bảo nước sinh hoạt và nhu cầu nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội năm 2027 và góp phần bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng và Văn bản số 11517/BTNMT-TNN ngày 07/10/2026 về việc chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó nguy cơ thiếu hụt nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các hoạt động phát triển KT-XH do ảnh hưởng của El Niño trên các địa phương thuộc lưu vực sông Srêpốk và các nội dung sau:

1.1. Khẩn trương xây dựng Kế hoạch khai thác, sử dụng nước.

Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và UBND cấp tỉnh trên LVS, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, khẩn trương chỉ đạo việc chủ động lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước [14] trên nguyên tắc tiết kiệm nước, tránh thất thoát, lãng phí, dự phòng nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước trong các tháng cuối mùa cạn, trong đó đặc biệt lưu ý đến các tiểu vùng cảnh báo nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại Phụ lục IV.

Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng, triển khai thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước[15] phù hợp với hiện trạng và diễn biến tình hình thời tiết, nguồn nước trên lưu vực trong thời gian tới, đặc biệt là hệ thống hồ chứa lớn trên dòng chính sông Srêpốk liên quan đến vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng và duy trì dòng chảy ở hạ du phía Campuchia.

1.2. Rà soát, điều chỉnh chế độ vận hành điều tiết xả nước của các hồ chứa theo hướng linh hoạt trong từng thời kỳ: thực hiện đồng bộ các giải pháp để giữ nước phục vụ nhu cầu gia tăng phát điện giai đoạn nắng nóng cao điểm. Trong đó, đề nghị Bộ Công Thương:

- Chỉ đạo việc tính toán, đề xuất vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện lớn phù hợp với KBNN được công bố.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án điều hòa phân phối trên lưu vực sông, đặc biệt là hồ chứa Buôn Tua Srah. Đồng thời, xây dựng kế hoạch vận hành các hồ chứa thủy điện đáp ứng nhu cầu nước sử dụng nước ở hạ du các hồ chứa trên cơ sở tuân thủ quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực, khả năng của nguồn nước và phương án điều hòa phân phối nguồn nước.

- Trường hợp các hồ phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả về hạ du sông Srêpốk, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đảm bảo thông

[14] Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 53/NĐ-CP;
[15] Điều 36 Luật Tài nguyên nước

tin kịp thời cho các cơ quan liên quan của Campuchia để có ứng xử cần thiết, hạn chế tối đa biến động đến chế độ thủy văn, tài nguyên nước, môi trường sinh thái và các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở hạ du phía Campuchia.

- Xây dựng phương án, kế hoạch sử dụng các nguồn năng lượng từ nhiệt điện than, thủy điện, điện mặt trời, tuabin khí, điện gió, nhiệt điện dầu và các nguồn năng lượng khác để tránh rủi ro thiếu hụt nguồn điện, đảm bảo an ninh năng lượng.

1.3. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng

a) Đảm bảo an ninh nước cấp cho sinh hoạt

- Khẩn trương xây dựng kế hoạch vận hành, ưu tiên để bảo đảm nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các nhu cầu thiết yếu trong suốt thời gian mùa cạn.

- Ưu tiên bảo đảm nguồn nước cấp cho sinh hoạt của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện như: hồ Hồ Tây, Đắk Drồ, Đạ Chao thuộc tỉnh Lâm Đồng; Ia Ring thuộc tỉnh Gia Lai; Buôn Tría, Cầu Ván, Ea Ral 2 thuộc tỉnh Đắk Lắk …).

- Khẩn trương hoàn thiện hạ tầng cấp nước, chuẩn bị phương án sẵn sàng để khai thác nước tại các nhà máy nước tập trung; chuẩn bị các phương án tích trữ, cấp nước dự phòng khi cần thiết.

- Chỉ đạo rà soát các nhà máy nước, công trình cấp nước tập trung có nguy cơ thiếu nguồn nước thô hoặc phải giảm công suất; xác định nhu cầu cấp nước sinh hoạt thiết yếu, khả năng duy trì cấp nước, nguồn và công suất dự phòng; tổ chức huy động nguồn cấp thay thế, kết nối, hỗ trợ giữa các hệ thống cấp nước khi cần thiết; chỉ đạo các đơn vị cấp nước có trách nhiệm chủ động xây dựng phương án vận hành, kịp thời báo cáo tình hình nguồn nước, nguy cơ gián đoạn cấp nước và đề xuất biện pháp xử lý.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và đơn vị cấp nước rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt khai thác nguồn nước tại hạ du hồ chứa có nguy cơ bị ảnh hưởng khi dòng chảy suy giảm; xác định nhu cầu, thời điểm lấy nước, khả năng duy trì cấp nước và nguồn dự phòng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa để trao đổi thông tin, thống nhất kế hoạch lấy nước và đề xuất phương án điều tiết nguồn nước phù hợp với quy trình vận hành hồ chứa, ưu tiên bảo đảm cấp nước sinh hoạt.

b) Đối với các tiểu vùng cảnh báo có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, thiếu nước tại Phụ lục IV

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn nước để có biện pháp chủ động ứng phó phù hợp như: rà soát, cắt giảm diện tích canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hạn chế phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước và chưa cấp thiết; ưu tiên nguồn nước cho sinh hoạt và cây trồng có giá trị

kinh tế cao; quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng trên địa bàn…[16].

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, kiểm soát chặt chẽ chế độ vận hành cấp nước của các hồ chứa thủy lợi theo nhu cầu nước thực tế, để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu quả tích nước các tháng cuối năm 2026, đầu năm 2027 trong bối cảnh thiếu hụt lượng mưa, đặc biệt là các hồ có dung tích nhỏ, dưới 01 triệu m^3.

- Đối với các trạm bơm điện khai thác nguồn nước trên sông, suối, hạ lưu các hồ chứa có giải pháp để nâng cao mực nước dẫn vào bể hút của trạm bơm như: đắp đập tạm, kéo dài tuyến ống dẫn nước, hạ thấp cao trình bể hút của trạm bơm, nạo vét, khơi thông dòng chảy vào bể hút. Đồng thời chủ động bơm khi các nhà máy thủy điện phía thượng lưu vận hành xả nước phát điện để tăng hiệu suất bơm tưới.

- Tăng cường khai thác nước dưới đất, nhất là để phục tưới cho các cây công nghiệp tại các địa phương có nguồn nước cấp từ các hồ, sông suối hạn chế, trong đó lưu ý việc khai thác, gắn liền với bảo vệ nước dưới đất theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống hạn hán, thiếu nước cho các địa phương trên từng tiểu vùng của lưu vực.

1.4. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Cục Quản lý Tài nguyên nước:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ tính toán, cập nhật và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc cập nhật KBNN trong trường hợp xảy ra diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

- Định kỳ hằng tháng trong mùa cạn năm 2026 - 2027, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hiện trạng nguồn nước, đánh giá trạng thái nguồn nước và tình hình triển khai KBNN đã công bố.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước. Đồng thời, triển khai các hoạt động điều hòa, phân phối tài nguyên nước tương ứng với trạng thái nguồn nước và mức độ chuyển trạng thái nguồn nước.

b) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện điều hòa, phân phối nước và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch sử dụng nước trong hệ thống công trình thủy

[16] Điểm c khoản 4 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP;

lợi phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác[17] phù hợp với diễn biến nguồn nước và nguy cơ hạn hán trong mùa cạn năm 2026 - 2027.

- Hướng dẫn các địa phương chủ động tích trữ nước từ đầu mùa cạn, điều tiết tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong các hệ thống thủy lợi; ưu tiên bảo đảm nguồn nước phục vụ sinh hoạt và các vùng sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương rà soát, xây dựng phương án cấp nước an toàn khu vực nông thôn, đặc biệt tại các vùng xa nguồn nước và các địa bàn thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước.

c) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chăn nuôi và Thú y theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với KBNN[18]. Cụ thể:

- Chỉ đạo, phối hợp với Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, hướng dẫn các địa phương rà soát, cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước theo Kịch bản nguồn nước đã công bố và phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Tài nguyên nước năm 2023[19]; đặc biệt là rà soát, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, lịch sản xuất vụ Đông Xuân, Hè Thu và vật nuôi tại các vùng, khu vực được cảnh báo có nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại Phụ lục IV.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả, quản lý độ ẩm đất, giảm tổn thất nước trong sản xuất nông nghiệp; hạn chế mở rộng diện tích sản xuất tại các khu vực chưa bảo đảm nguồn nước.

d) Cục Khí tượng thủy văn

Theo dõi, cập nhật bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; tăng cường dự báo, cảnh báo cho các khu vực, vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước đã được nhận định trong KBNN [20]; chú trọng dự báo, cảnh báo sớm thời kỳ dòng chảy suy giảm mạnh và các khu vực có nguy cơ thiếu nước để phục vụ công tác điều hành, khai thác, sử dụng nguồn nước.

đ) Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam

Phối hợp với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Chủ hồ thực hiện việc chia sẻ thông tin và thông báo kịp thời thông tin về vận hành và xả nước về hạ du sông Srêpốk cho các cơ quan chức năng của Campuchia để có ứng xử cần thiết, phù hợp với tình hình hạn hán, thiếu nước và các yêu cầu về đảm bảo an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng trên lưu vực.

---

[17] Điểm b khoản 2 Điều 36 và điểm c khoản 2 Điều 84 Luật Tài nguyên nước.
[18] điểm b khoản 2 Điều 44 Luật Tài nguyên nước năm 2023;
[19] Điều 44 Luật Tài nguyên nước.
[20] Khoản 4 Điều 35 Luật Tài nguyên nước;

PHỤ LỤC I

PHẠM VI XÂY DỰNG KỊCH BẢN

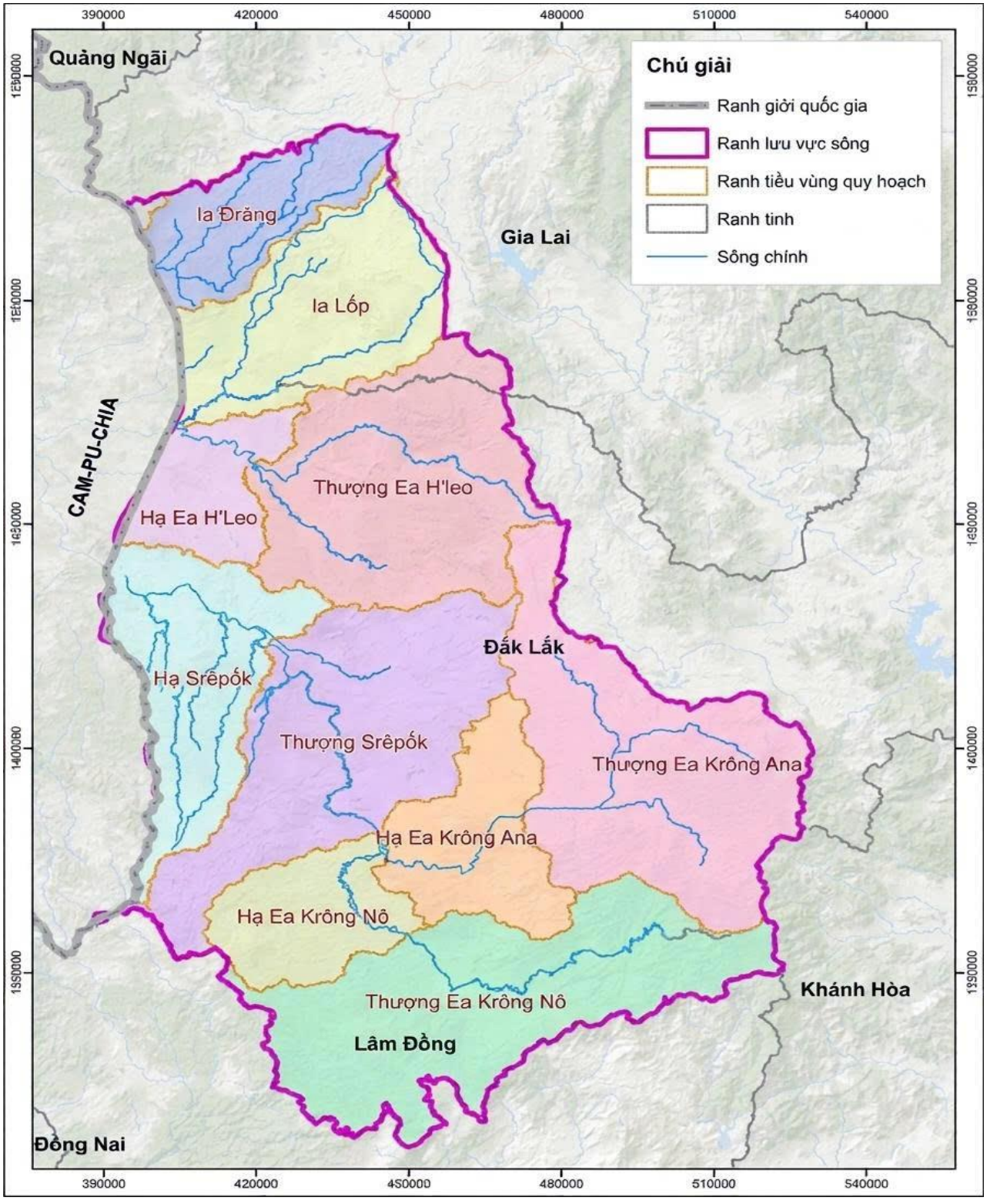
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tiểu lưu vực sông	Diện tích (km^2)	Các xã, TP thuộc tiểu vùng
1	Ia Đrăng	992,28	***Gia Lai*** (Gào, Bàu Cạn, Ia Krêl, Đức Cơ, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Tôr, Chư Prông, Ia Boòng, Ia Púch)
2	Ia Lốp	1779,82	***Gia Lai*** (Bờ Ngoong, Chư Prông, Chư Pưh, Chư Sê, Ia Boòng, Ia Hrú, Ia Ko, Ia Lâu, Ia Le, Ia Mơ, Ia Pia, Ia Púch, Ia Tôr) ***Đắk Lắk*** (Ea Rốk, Ia Lốp)
3	Thượng Ea H'leo	2537,25	***Gia Lai*** (Ia Le); ***Đắk Lắk*** (Buôn Đôn, Cư Pơng, Dliê Ya, Ea Bung, Ea Drăng, Ea H'leo, Ea Hiao, Ea Khăl, Ea Kiết, Ea Rốk, Ea Súp, Ea Wy, Ia Rvê, Krông Búk, Pơng Drang)
4	Hạ Ea H'Leo	753,88	***Đắk Lắk*** (Buôn Đôn, Ea Bung, Ea Rốk, Ea Súp, Ia Lốp, Ia Rvê)
5	Thượng Srêpốk	2627,58	***Đắk Lắk*** (Buôn Đôn, Buôn Hồ, Buôn Ma Thuột, Cư Bao, Cư M'gar, Cư Pơng, Cuôr Đăng, Dray Bhăng, Ea Kao, Ea Kiết, Ea Ktur, Ea M'Droh, Ea Na, Ea Nuôl, Ea Tul, Ea Wer, Hòa Phú, Pơng Drang, Quảng Phú, Tân An, Tân Lập, Thành Nhất) ***Lâm Đồng*** (Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Sắk, Đắk Song, Đắk Wil, Đức An, Đức Lập, Krông Nô, Nam Đà, Nam Dong, Thuận An, Thuận Hạnh)
6	Hạ Srêpốk	1642,29	***Đắk Lắk*** (Buôn Đôn, Ea Súp) ***Lâm Đồng*** (Đắk Mil, Đắk Wil, Đức Lập, Thuận An)
7	Thượng Ea Krông Ana	2829,73	***Đắk Lắk*** (Buôn Hồ, Cư Bao, Cư Pui, Cư Yang, Cuôr Đăng, Dang Kang, Dliê Ya, Ea Drông, Ea Kar, Ea Kly, Ea Knuếc, Ea Ning, Ea Ô, Ea Păl, Ea Phê, Ea Trang, Hòa Sơn, Krông Á, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Liên Sơn Lắk, Phú Xuân, Pơng Drang, Tân Tiến, Vụ Bổn, Yang Mao, Hòa Sơn)
8	Hạ Ea Krông Ana	1143,02	***Đắk Lắk*** (Cuôr Đăng, Đắk Liêng, Đắk Phơi, Dray Bhăng, Dur Kmăl, Ea Knuếc, Ea Ktur, Ea Na, Ea Ning, Hòa Sơn, Krông Ana, Liên Sơn Lắk, Nam Ka)
9	Thượng Ea Krông Nô	2975,17	***Đắk Lắk*** (Đắk Phơi, Krông Nô, Liên Sơn Lắk, Nam Ka, Yang Mao) ***Lâm Đồng*** (Bắc Gia Nghĩa, Đam Rông 1, Đam Rông 2, Đam Rông 3, Đam Rông 4, Lạc Dương, Lang Biang - Đà Lạt, Quảng Hòa, Quảng Khê, Quảng Sơn, Tà Đùng, Trường Xuân)
10	Hạ Ea Krông Nô	948,98	***Đắk Lắk*** (Đắk Liêng, Krông Ana, Nam Ka); ***Lâm Đồng*** (Đắk song, Krông Nô, Nam Đà, Nâm Nung, Quảng Sơn)
	Tổng	**18,230**	

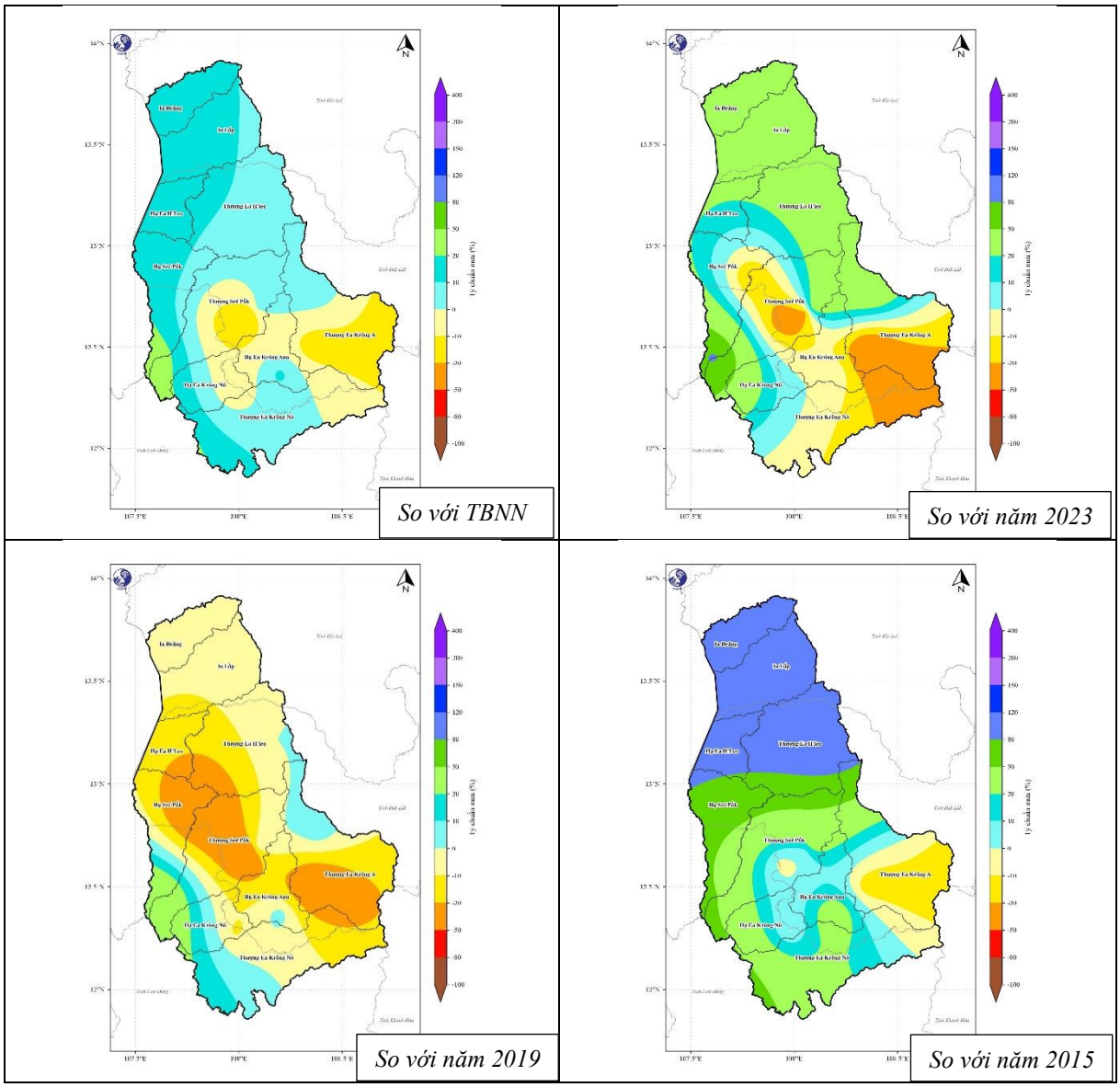
PHỤ LỤC II

CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ KÈM THEO KỊCH BẢN

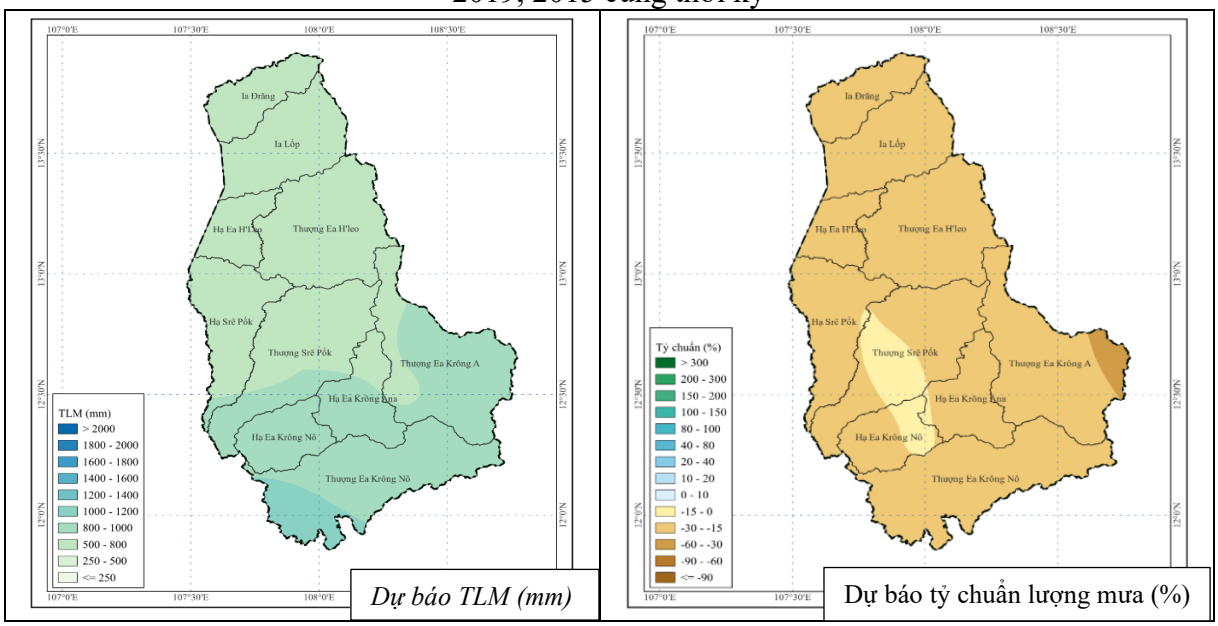
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)



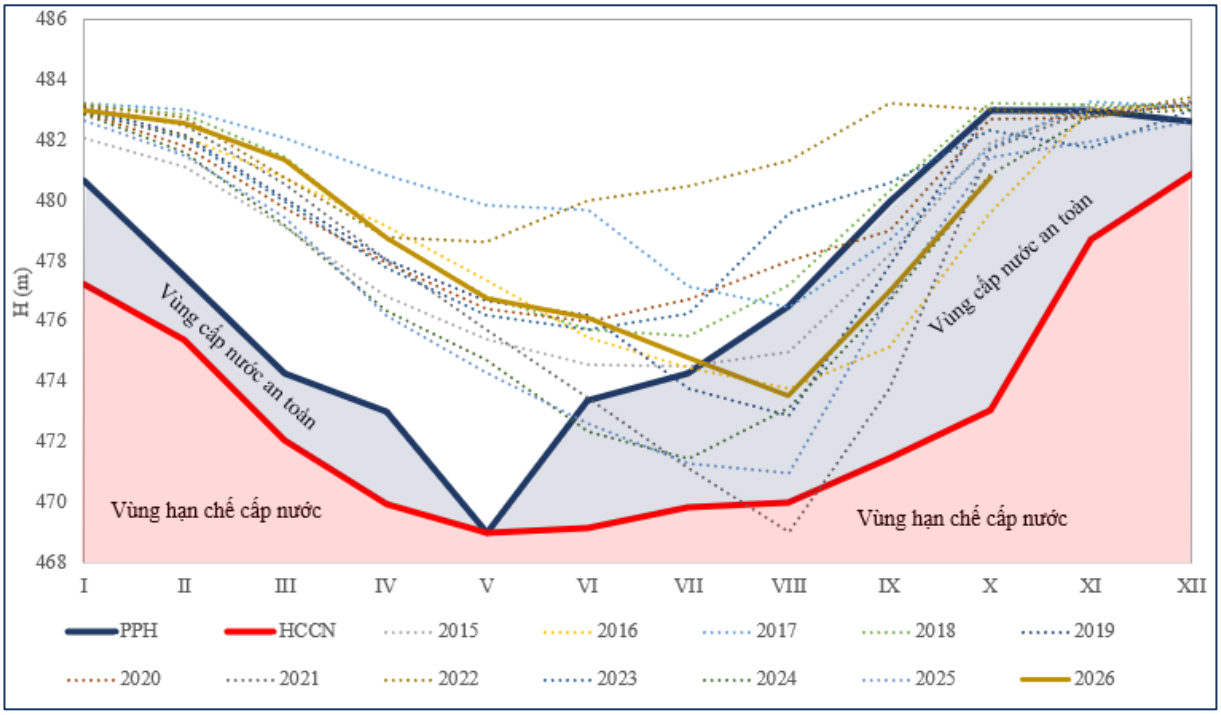
Hình 1. Sơ đồ phạm vi xây dựng KBNN trên LVS Srêpốk



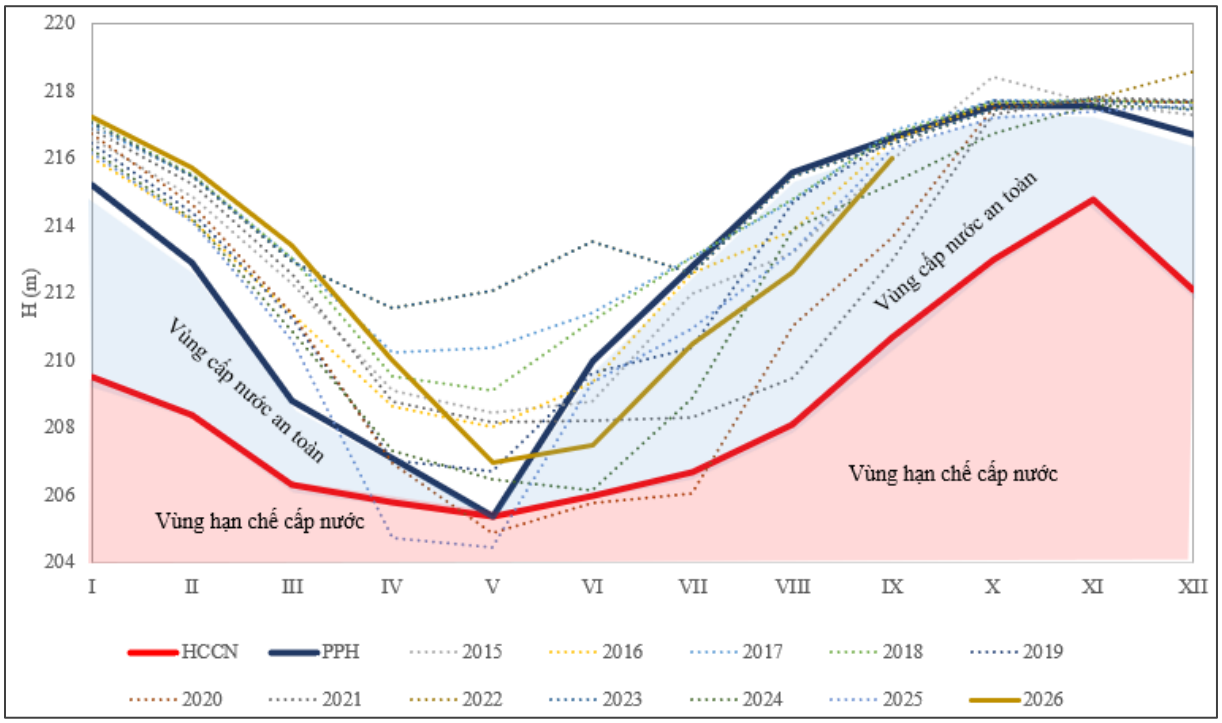
Hình 2. So sánh TLM giai đoạn tháng 8-10/2026 với TBNN và so với năm 2023, 2019, 2015 cùng thời kỳ



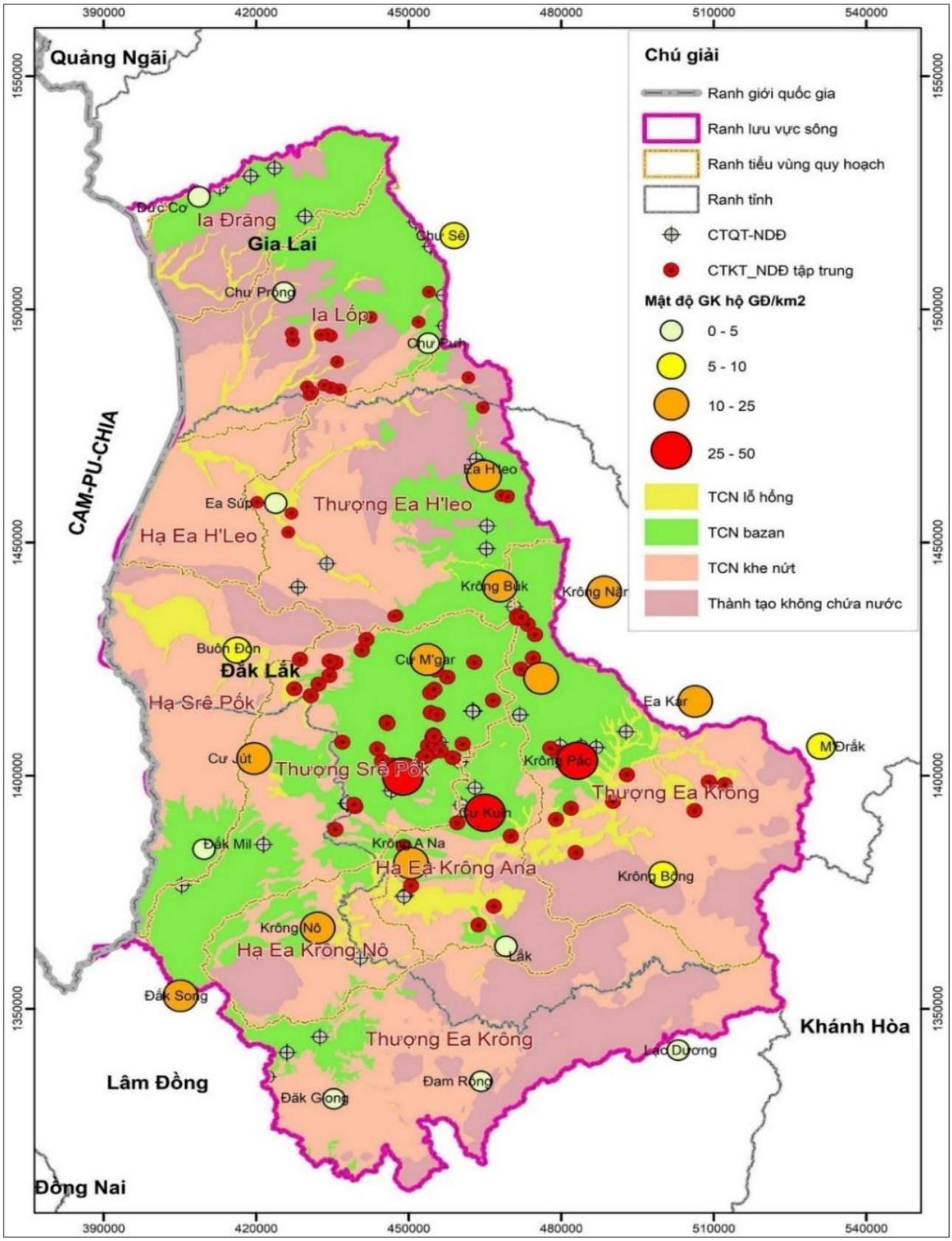
Hình 3. Dự báo TLM từ tháng 10/2026-6/2027 trên LVS Srêpốk



Hình 4. Diễn biến mực nước hồ Krông Búk Hạ từ năm 2015-2026 so với giới hạn vùng cấp nước an toàn và vùng hạn chế cấp nước



Hình 5. Diễn biến mực nước hồ Ea Súp Thượng từ năm 2015-2026 so với giới hạn vùng cấp nước an toàn và vùng hạn chế cấp nước



Hình 6. Sơ đồ phân bố TCN và công trình khai thác, quan trắc NDĐ trên LVS Srêpốk

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH HỒ, CỤM HỒ CHỨA LƯU VỰC SÔNG SRÊPỐK

(Quy mô tổng dung tích toàn bộ từ 01 triệu m^3 trở lên)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên hồ chứa	Vị trí		Vùng Quy hoạch	Thông số thiết kế		Thông số ngày 15/11/2026		
		Xã/Phường	Tỉnh		MNDBT (m)	Dung tích (triệu m3)	Mực nước (m)	Dung tích (triệu m3)	Tỷ lệ trữ nước (%)
1	Hồ Đắk Minh	Buôn Đôn	Đắk Lắk	Hạ Srêpốk	191.0	9.5	190.5	8.5	90
2	Hồ Đăk Huar	Ea Wer	Đắk Lắk	Thượng SrêPốk	241.2	2.5	241.1	2.4	98
3	Hồ Ea Súp Thượng	Ea Súp	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	217.6	146.9	217.6	146.9	100
4	Hồ Ea Súp Hạ	Ea Súp	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	196.5	9.3	196.5	9.3	100
5	Hồ Ya Jlơi	Ea Rốk	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	184.6	1.9	184.1	1.8	93
6	Hồ Đội 4 (Thôn 10)	Ia Rvê	Đắk Lắk	Hạ Ea H'leo	157.2	3.9	157.1	3.5	90
7	Hồ Ea Kao	Ea Kao	Đắk Lắk	Thượng SrêPốk	420.0	17.8	418.7	14.0	79
8	Hồ Ea Chư Káp thượng	Tân Lập	Đắk Lắk	Thượng SrêPốk	506.4	1.2	507.5	1.2	100
9	Hồ đội 8 (Ea Msen)	Ea Ktur	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Ana	505.4	1.6	505.4	1.6	100
10	Hồ Buôn Joong	Cư M'gar	Đắk Lắk	Thượng SrêPốk	506.8	17.3	506.5	16.7	96
11	Hồ Đrao 1 (Brah)	Ea Tul	Đắk Lắk	Thượng SrêPốk	659.4	2.2	659.5	2.2	100
12	Hồ Buôn Ya Wăm dưới (Th 2)	Ea Kiết	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	375.5	1.2	398.1	1.2	100
13	Hồ Buôn Wing	Ea Kiết	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	440.1	1.2	440.2	1.2	100
14	Hồ Ea Đrăng (Trung tâm)	Ea Đrăng	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	564.4	1.1	562.8	0.7	61
15	Hồ Ea H'leo 1	Ea H'Leo	Đắk Lắk	Thượng Ea H'leo	420.0	25.5	419.6	24.6	96
16	Hồ Krông Pách Thượng	Cư Yang	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	496.2	121.3	488.1	50.8	42
17	Hồ Ea Rớt	Ea Ô	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	502.2	18.5	492.4	3.5	19
18	Hồ Đồi 500	Ea Kar	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	459.0	3.3	446.8	1.7	50
19	Hồ Đội 8	Ea Kar	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	447.5	1.8	447.7	1.9	104
20	Hồ Ea Grap	Ea Păl	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	506.9	1.3	502.9	1.3	100
21	Hồ Ea Bông 1	Ea Na	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Ana	456.2	4.3	452.7	1.9	45
22	Hồ Ea Bông 2	Ea Na	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Ana	456.2	2.3	453.0	1.1	46

TT	Tên hồ chứa	Vị trí		Vùng Quy hoạch	Thông số thiết kế		Thông số ngày 15/11/2026		
		Xã/Phường	Tỉnh		MNDBT (m)	Dung tích (triệu m3)	Mực nước (m)	Dung tích (triệu m3)	Tỷ lệ trữ nước (%)
23	Hồ Ea Tul 1	Dur Kmăl	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Ana	475.0	1.4	475.0	1.5	100
24	Hồ Yang Réh	Hòa Sơn	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Nô	631.8	5.3	438.8	5.3	100
25	Hồ Cư Păm	Dang Kang	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	559.2	2.0	454.9	2.0	99
26	Hồ Hố Kè	Krông Bông	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	633.4	1.6	394.4	1.4	85
27	Hồ Ea Drông 1	Phú Xuân	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	558.0	1.2	558.0	1.2	100
28	Hồ Krông Búk Hạ	Ea Phê	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	483.0	109.3	482.9	108.4	99
29	Hồ Vụ Bổn	Vụ Bổn	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	448.1	5.0	446.0	2.3	45
30	Hồ Ea Uy	Krông Pắc	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	484.8	4.0	484.8	4.0	101
31	Hồ Ea Kuăng	Krông Pắc	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	596.6	4.0	596.1	3.9	99
32	Hồ Ea Nông	Vụ Bổn	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	498.0	1.3	492.1	0.2	12
33	Hồ A2	Ea Kly	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	456.1	1.5	455.6	1.3	85
34	Hồ C9	Ea Kly	Đắk Lắk	Thượng Ea Krông Ana	449.3	3.2	449.3	2.6	83
35	Hồ Buôn Triết	Đắk Liêng	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Ana	443.2	20.9	438.7	11.5	55
36	Hồ Buôn Tría	Đắk Liêng	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Ana	438.8	5.0	438.8	5.0	100
37	Hồ Nam Kar	Nam Ka	Đắk Lắk	Hạ Ea Krông Nô	438.4	1.1	438.4	1.1	100
38	Hồ Trúc Sơn	Cư Jút	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	561.7	1.2	561.7	0.6	55
39	Hồ Tây	Đức Lập	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	398.9	3.3	398.9	1.6	47
40	Hồ Đắk Rồ	Krông Nô	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	458.8	12.2	458.8	7.0	90
41	Hồ Đắk Đ'rông	Nam Dong	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	376.5	2.6	376.5	2.6	100
42	Hồ Đắk Sắk	Đức Lập	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	742.8	8.0	742.8	5.9	74
43	Hồ Đắk Viêng	Nâm Nung	Lâm Đồng	Hạ Ea Krông Nô	582.0	1.0	582.0	0.7	71
44	Hồ Đắk Diêr	Cư Jút	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	377.4	5.9	377.4	5.9	100
45	Hồ Nam Xuân	Đắk Sắk	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	473.6	9.3	473.6	7.2	100
46	Hồ Đăk Toa	Thuận Hạnh	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	851.0	2.0	851.0	2.0	100
47	Hồ Sình Muống	Thuận Hạnh	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	853.8	1.4	853.8	1.4	100
48	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	Lâm Đồng	Thượng Ea Krông Nô	701.7	1.1	701.7	1.1	100
49	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	392.4	3.3	392.4	3.3	100
50	Hồ Đăk Nang	Quảng Phú	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	129.2	3.6	129.2	3.6	100
51	Hồ Bắc Sơn 1	Đắk Mil	Lâm Đồng	Thượng SrêPốk	355.6	1.3	355.6	1.3	100
52	Hồ Thủy Điện	Quảng Sơn	Lâm Đồng	Thượng Ea Krông Nô	696.4	1.2	696.4	1.2	100

TT	Tên hồ chứa	Vị trí		Vùng Quy hoạch	Thông số thiết kế		Thông số ngày 15/11/2026		
		Xã/Phường	Tỉnh		MNDBT (m)	Dung tích (triệu m3)	Mực nước (m)	Dung tích (triệu m3)	Tỷ lệ trữ nước (%)
53	Hồ Trung Tâm	Bắc Gia Nghĩa	Lâm Đồng	Thượng Ea Krông Nô	564.4	7.8	564.4	7.8	100
54	Hồ Hoàng Ân	Chư Prông	Gia Lai	Ia Đrăng	657.5	6.7	657.5	6.3	100
55	Hồ Chư Prông	Chư Prông	Gia Lai	Ia Đrăng	473.7	4.1	473.7	3.8	100
56	Hồ Ia Ring	Bờ Ngoong	Gia Lai	Ia Lốp	689.0	10.8	684.1	5.6	55
57	Hồ Ia Glai	Chư Sê	Gia Lai	Ia Lốp	576.0	2.2	576.0	2.1	100
58	Hồ Plei Pai	Ia Lâu	Gia Lai	Ia Lốp	207.6	20.9	207.5	16.7	97
59	Hồ Plei Thơ Ga	Chư Pưh	Gia Lai	Ia Lốp	281.2	10.5	281.2	8.8	100
60	Hồ Ia Mơr	Ia Mơ	Gia Lai	Ia Lốp	194.0	177.8	193.0	138.0	85

PHỤ LỤC IV
CÁC VÙNG, KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tiểu vùng	Tỉnh	Xã, phường
1	Ia Đrăng	Gia Lai	Bàu Cạn, Chư Prông, Đức Cơ, Ia Boòng, Ia Krêl, Ia Nan, Ia Pnôn, Ia Púch, Ia Tôr
2	Ia Lốp	Gia Lai, Đắk Lắk	***Gia Lai*** (Bờ Ngoong, Chư Prông, Chư Pưh, Chư Sê, Ia Boòng, Ia Hrú, Ia Ko, Ia Lâu, Ia Le, Ia Mơ, Ia Pia, Ia Púch, Ia Tôr) ***Đắk Lắk*** (Ea Rốk, Ia Lốp)
3	Thượng Ea H'leo	Gia Lai, Đắk Lắk	***Gia Lai*** (Ia Le) ***Đắk Lắk*** (Buôn Đôn, Cư Pơng, Dliê Ya, Ea Bung, Ea Drăng, Ea H'leo, Ea Hiao, Ea Khăl, Ea Kiết, Ea Rốk, Ea Súp, Ea Wy, Ia Rvê, Krông Búk, Pơng Drang)
4	Hạ Ea H'Leo	Đắk Lắk	Buôn Đôn, Ea Bung, Ea Rốk, Ea Súp, Ia Lốp, Ia Rvê
5	Thượng Ea Krông Ana	Đắk Lắk	Buôn Hồ, Cư Bao, Cuôr Đăng, Dang Kang, Dliê Ya, Ea Drông, Ea Kly, Ea Knuếc, Ea Phê, Ea Trang, Hòa Sơn, Krông Á, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Phú Xuân, Pơng Drang, Tân Tiến, Vụ Bổn, Yang Mao
6	Hạ Ea Krông Ana	Đắk Lắk	Cuôr Đăng, Dur Kmăl, Ea Knuếc, Ea Na, Hòa Sơn, Krông Ana, Đắk Liêng, Đắk Phơi, Dray Bhăng
7	Thượng Ea Krông Nô	Đắk Lắk, Lâm Đồng	***Đắk Lắk*** (Yang Mao) ***Lâm Đồng*** (Bắc Gia Nghĩa, Trường Xuân)
8	Hạ Ea Krông Nô	Đắk Lắk, Lâm Đồng	***Đắk Lắk*** (Krông Ana) ***Lâm Đồng*** (Nam Đà, Nâm Nung, Trường Xuân)
9	Thượng Srêpốk	Đắk Lắk, Lâm Đồng	***Đắk Lắk*** (Buôn Đôn, Buôn Hồ, Cư Bao, Cư M'gar Cư Pơng, Cuôr Đăng, Ea Kiết, Ea M'Droh, Ea Na, Ea Nuôl, Ea Tul, Ea Wer, Pơng Drang, Quảng Phú) ***Lâm Đồng*** (Cư Jút, Đức Lập, Đắk Wil, Nam Đà, Nam Dong, Thuận An, Trường Xuân)
10	Hạ Srêpốk	Lâm Đồng	***Lâm Đồng*** (Đắk Wil, Thuận An)

MỤC LỤC

I. Hiện trạng nguồn nước 1
1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt 1
2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất 2
3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa 2
II. Dự báo xu thế diễn biến mưa, dòng chảy trên sông, mực nước trong các tầng chứa dưới đất 4
1. Xu thế thời tiết 4
2 Xu thế diễn biến lượng mưa, dòng chảy 4
3. Mực nước trong các tầng chứa nước dưới đất 5
III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC NGÀNH 5
1. Nhu cầu nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ 5
2. Nhu cầu nước cho nông nghiệp 5
3. Nhu cầu nước cho thủy điện 6
4. Mối liên hệ giữa các nhu cầu sử dụng nước với việc điều tiết nước của các hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực 6
IV. NHẬN ĐỊNH TRẠNG THÁI NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG SRÊPỐK 7
1. Đối với các hồ chứa lớn điều tiết nước cho dòng chính LVS Srêpốk 7
2. Đối với các tiểu vùng trên lưu vực sông Srêpốk 9
3. Nhận định tổng thể trạng thái của nguồn nước trên lưu vực sông 12
V. KIẾN NGHỊ 12
PHỤ LỤC I 17
PHỤ LỤC II 18
PHỤ LỤC III 22
PHỤ LỤC IV 25